TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2024/KDTM-PT
Ngày 16/7/2024
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 và 21 tháng 12 năm 2023, ngày 28 tháng 5 năm 2024, ngày 09 và ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 142/2023/TLPT-KDTM ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2022/KDTM-ST ngày 20/09/2022 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 507/2023/QĐ-PT ngày 28/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 619/2023/QĐ-PT ngày 25/8/2023, Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 643/2023/TB-TA ngày 23/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa kinh doanh thương mại phúc thẩm số 789/2023/QĐ-PT ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng G

Địa chỉ: Số 43 phố VPH, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà ĐHC – Chủ tịch Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Bà NTTM; Bà LTKA; Ông NĐP (Theo Giấy ủy quyền số 96/2022/UQ-AMC ngày 10/8/2022); Ông P có mặt

-Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: đường NK, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà NTBH – Giám đốc. Địa chỉ: đường NK, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội; vắng mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Ông PVL, sinh năm 1942; có đơn xin xét xử vắng mặt

+Bà PTY, sinh năm 1964; có đơn xin xét xử vắng mặt

+Anh PQV, sinh năm 1976; có mặt

+Chị ĐTH, sinh năm 1978; vắng mặt

+Cháu PQK, sinh năm 2005, người đại diện hợp pháp: anh PQV và chị ĐTH; anh V có mặt

+Cháu PQA, sinh năm 2009, người đại diện hợp pháp: anh PQV và chị ĐTH; anh V có mặt

+Cháu PQB, sinh năm 2018, người đại diện hợp pháp: anh PQV và chị ĐTH; anh V có mặt

Cùng địa chỉ: đường QL2 , thôN QĐ, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/02/2008 Ngân hàng G và Công ty B đã ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 68/HĐTD/G-HK/08.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 68/HĐTD/G-HK/08 ngày 02/02/2008 Công ty B đã ký kết khế ước nhận nợ số 68/KUNN-GHK/08 và nhận nợ số tiền là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản của bên thứ ba bao gồm, quyền sử dụng đất tại QL, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI956716, thửa số 28, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Uỷ ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/07/2007 đứng tên ông PVL được định giá 3.656.000.000 đồng, đảm bảo cho khoản vay tối đa 2.900.000.000 đồng; Quyền sử dụng đất tại thôn SM, xã VL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ459728, thửa số 01, tờ bản đồ số 41, số vào sổ cấp 74/142/QĐ-UB do Uỷ ban nhân dân huyện ĐA cấp ngày 05/02/2007 đứng tên ông LTD được định giá 2.147.000.000 đồng, đảm bảo cho khoản vay tối đa 1.700.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, Ngân hàng G mua lại một số khoản nợ để xử lý, trong đó có khoản vay của Công ty B. Do Công ty B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng G đã nhiều lần làm việc, yêu cầu khách hàng và các bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, chỉ có một bên bảo lãnh là ông LTD đã thanh toán 1.000.000.000 đồng để giải chấp tài sản bảo đảm. Bên bảo lãnh còn lại là ông PVL không đồng ý bàn giao tài sản.

Dư nợ tạm tính và tài sản bảo đảm của Công ty B tính đến ngày 20/9/2022 là 12.959.428.076 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 10.959.428.076 đồng

+ Tài sản bảo đảm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI956716, thửa số 28, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Uỷ ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/07/2007 đứng tên ông PVL.

Nay Ngân hàng G khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty B phải thanh toán cho Ngân hàng G tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2022 là 12.959.428.076 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 10.959.428.076 đồng

- Tiếp tục tính lãi khoản nợ đến ngày kết thúc vụ án.

- Trường hợp Công ty B không hoặc chưa thanh toán, đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại QL, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI956716, thửa số 28, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Uỷ ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/07/2007 đứng tên ông PVL để thu hồi nợ.

- Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản này nếu không đủ thanh toán cho khoản nợ, Công ty B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán dứt điểm khoản nợ cho Ngân hàng G.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Năm 2008, Công ty B – Đầu tư tài chính ký hợp đồng tín dụng và vay của Ngân hàng G số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), để bảo đảm cho khoản vay trên có tài sản đảm bảo là nhà đất của ông PVL và ông LTD. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà NTBH xác nhận không có khả năng trả nợ ngân hàng, xác nhận ông LTD đã thanh toán xong cho ngân hàng. Ông PVL có trách nhiệm dùng tài sản của mình để thanh toán nợ nốt cho ngân hàng. Việc quan hệ vay nợ, bảo lãnh giữa bà NTBH và ông PVL không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông PVL trình bày:

Ngày 02/02/2008, Ngân hàng G và Công ty B – Đầu tư tài chính do bà NTBH làm giám đốc có ký hợp đồng vay vốn. Hợp đồng được ký kết ngày 02/02/2008, vay vốn ngắn hạn thời gian bổ sung vốn kinh doanh 9 tháng, tiền vay được chuyển khoản từ Ngân hàng đến Công ty. Sau khi có tiền về Công ty, bà NTBH đem tiền đó đi xây dựng nhà máy địa điểm tại thị TL, huyện YY, tỉnh Nam Định trên thửa đất 4.301m và cũng là thành lập Công ty TPĐ sản xuất điện tử và điện lạnh. Như vậy bà NTBH làm giám đốc Công ty TPĐ và Công ty B. Thời điểm này bà NTBH làm giám đốc của hai công ty, việc vay vốn ngắn hạn 9 tháng bà NTBH đã lấy tiền vay đi xây dựng nhà máy.

Ngày 25/6/2009 bà NTBH đã đến thời gian vay 16 tháng nhưng không trả được đồng nào gốc và lãi cho ngân hàng. Số tiền này thuộc vào nợ xấu nhóm 4. Ông LTD cũng được vay riêng trong hợp đồng này 01 tỷ đồng thế chấp sổ đỏ, ông LTD đã trả gốc không lãi.

Ông PVL là người cho mượn sổ đỏ thế chấp cho bà NTBH vay 2 tỷ đồng. Sau khi được thông báo của Ngân hàng G. Công ty của bà NTBH đã trở thành nợ xấu nhóm 4. Nếu bà NTBH không trả thì Ngân hàng G xử lý thế chấp. Ông PVL đề nghị ngân hàng G xử lý tín dụng, xử lý thế chấp, nhờ pháp luật can thiệp, nhưng ngân hàng vẫn làm việc cho bà NTBH khất nợ. Lúc này người cán bộ ngân hàng là NTT và ông PVL được làm việc tại nhà máy, trong nội dung làm việc: Ông PVL có đề nghị với ngân hàng G không cho khất nợ. Nhưng bà NTBH lại xin khất nợ, ngân hàng vẫn cho khất nợ để nhà máy hoạt động trả nợ sau.

Ông PVL không tin lời hứa đó của bà NTBH xin khất nợ. Qua 36 tháng ngân hàng không xử lý, vì vậy ngân hàng phải chịu trách nhiệm về việc này. Ông PVL lo lắng và quyết định trong 09 tháng sắp tới bà NTBH không trả được nợ, ông PVL xin trả nợ gốc không lãi, nợ lãi này thuộc về Công ty Bông Lúa Vàng. Vì ông Lạc là một cán bộ nghỉ hưu, không sản xuất, không kinh doanh, tuổi đã đến 67 tuổi hồi đó. Nhưng ngân hàng G kiên quyết không chấp nhận lời đề nghị của ông PVL và tình hình rất căng thẳng trong buổi làm việc "giúp người lại khổ đến thân". Trong thời gian làm việc 2,3 tiếng đồng hồ ông PVL phải chịu đựng quyết định của ngân hàng G khi cho bà NTBH khất nợ.

Ông PVL phân tích như sau: Chờ thời gian 9 tháng bà NTBH không trả được thì xử lý thế chấp 24 tháng, giải thể hợp đồng thế chấp. Trên cơ sở này rất thấu tình, hợp lý, khoa học, trách nhiệm, có đạo đức. Đề nghị ngân hàng G đến ngày đó gặp nhau để bàn. Nhưng thời gian trôi đi đến năm 2012, bà NTBH không trả được đồng nợ nào. Ngân hàng G cũng không đòi một lần nào và cũng không xử lý hợp đồng thế chấp sau 24 tháng.

Đến đầu năm 2013 bà NTBH đã đi tù, mất quyền công dân. Sau thời gian đó đến ngày 15/07/2020 ngân hàng mới kiện tín dụng thời gian kiện không hợp lý. Ông PVL không đồng ý giải quyết của ngân hàng, đề nghị trả gốc không lãi nhưng ngân hàng không đồng ý, còn việc vay riêng của ông LTD đã trả gốc không tính lãi. Còn ông PVL cho mượn sổ đỏ trên tinh thần tình bạn làm ăn không cầu lợi hoa hồng gì cả, chỉ để khi nhà máy hoạt động bình thường cho con cháu vào làm việc

Nhưng mọi việc không đưa đến cho ông PVL kết quả. Ông PVL phải chịu lấy cái thiệt thòi, trả gốc 2 tỷ đồng không lãi bởi thế khi kiện ông PVL đã làm 3 đơn phản tố rất rõ ràng nhưng chưa giải quyết cho ông PVL. Ông PVL nhắc lại những sai phạm trầm trọng của ngân hàng như sau: Thời gian tính từ ngày 29/7/2009 đến hết năm 2012, trong khoảng thời gian đã 36 tháng này bà NTBH vẫn hoạt động bình thường nhưng ngân hàng G không giải quyết mấy nội dung sau.

+ Không xử lý nợ xấu

+ Không xử lý nợ quá hạn

+ Dùng vốn sai mục đích

+ Để việc thiệt hại thời gian ông PVL phải chịu hợp đồng thế chấp.

+ Đến ngày 15/5/2022 ông PVL về làm đơn kính trình lên Tòa xem xét sự việc đã xảy ra và xử lý theo đề nghị của ông PVL, không để xảy ra oan sai, xét công bằng và hợp lý đảm bảo đúng hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, đúng pháp luật quy định. Trong thời gian này ông PVL rất buồn bực và lo lắng. Gia đình mất sự đoàn kết, tình cha con và nội bộ gia đình có nhiều mâu thuẫn lớn. Ông PVL bị bạn bè chê trách ngu dại, hàng xóm chê cười. Vậy kính đề nghị lên Tòa xem xét, xử lý vụ án cho ông PVL, ông PVL quyết định trả gốc, còn việc trả lãi bà NTBH trả lãi sau khi mãn tù. Kính mong quý Tòa xem xét và giải quyết vụ việc càng sớm càng tốt khi ông PVL còn sống.

Thời gian 36 tháng, Công ty của bà NTBH vẫn hoạt động bình thường nhưng ngân hàng không xử lý sự việc một lời nào cho ba bên. Để thời gian gây thiệt hại cho thế chấp từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2012 hợp đồng đã đến 36 tháng thời gian này bà NTBH không làm trả nợ, ngân hàng G cũng không xử lý 3 bên tín dụng, ngân hàng G và thế chấp. Việc ngân hàng G không xử lý lại gây cho bên thế chấp rất lớn.

Đến ngày 15/5/2022 thời gian tín dụng 165 tháng lúc này ông PVL đã đến tuổi 80 già yếu, bệnh tật không biết sống, chết lúc nào.

Vậy ông PVL đã làm đơn để kính trình lên quý Tòa xem xét xử lý vụ án khi ông PVL còn sống, tránh oan sai, thấu tình đạt lý cho người bị hại như ông PVL được vui vẻ trên cơ sở hợp đồng tín dụng, đúng với pháp luật quy định.

1. Sau 9 tháng ngân hàng G không thu được đồng lãi nào và hết thời gian vay

2. Ngân hàng G không làm biện pháp triệt để với người vay vốn bằng nghiệp vụ tín dụng người cho vay và người vay. Từ đề xuất hết 9 tháng vay cho đến năm 2012 để người vay khất nợ. Lý do khất nợ không đúng với mục đích yêu cầu.

3. Vay vốn, sử dụng vốn sai mục đích tài sản của vật tư đó là tiền của ngân hàng G, nhà máy đó có dự án 60 tỉ đồng bà NTBH vay vốn cũng làm giám đốc nhà máy đó. Như vậy tài sản của nhà máy này là tài sản của bà NTBH, giám đốc của nhà máy cũng là bà NTBH.

Ông PVL nhiều lần đề nghị với ông NĐP làm việc với bà NTBH bằng pháp lý và bằng nội dung tín dụng. Nếu bà NTBH không nghe cách giải quyết của ông PVL thì anh NĐP phải nghe cách giải quyết của ông PVL, ba người cùng bàn ai mất, ai được, ai thắng, ai thua. Nếu ông PVL thua ông PVL sẽ giao toàn bộ sổ đỏ đất cho ngân hàng G và lấy lại toàn bộ nhà máy. Vì ông PVL không có quyền với bà NTBH hiệu lực cao như ngân hàng G làm với bà NTBH còn ông PVL có quyền làm việc với bà NTBH khi ngân hàng G đã đồng ý. Khi ông PVL đã lấy được nhà máy, ông chỉ lấy 2 tỉ đồng trả ngân hàng G không trả lại một xu vì tiền đấy ông không cầm, còn lại ông xin trích thưởng tặng người nghèo, người cô đơn, người tàn tật.

Bởi thế lúc này không có hiệu lực hợp đồng bảo lãnh của ông PVL vì đã 12 năm, như thế trong 9 tháng thì ông PVL sẽ chịu trách nhiệm với bà NTBH, với Ngân hàng G. Hợp đồng có hiệu lực.

Mấy đề nghị ở trên ông PVL trình bày khi ngồi giải hòa với ngân hàng G, với anh NĐP ngân hàng G phải nắm chắc những nội dung ông PVL đã đề nghị trong đơn này.

Còn đối với anh NĐP, sau khi giải hòa xong ông PVL làm đơn kiện lên cấp cao nhất kể cả hội đồng chính phủ, kể cả thống đốc ngân hàng đến các Tòa án nhân dân tối cao Trung ương.

Vậy ông PVL làm đơn phản tố này. Tòa án nắm được nội dung này để giải quyết việc giải hòa thành công. Còn việc tình cảm của ông PVL và anh NĐP tự lo liệu, tự giải quyết đảm bảo tính đoàn kết.

Anh PQV trình bày:

- Hợp đồng tín dụng chỉ có 09 tháng, tuy nhiên ngân hàng G không thu được đồng lãi nào. Để thời gian trôi đi quá dài mới thúc giục bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giải quyết. Ngân hàng G không làm biện pháp triệt để với người vay vốn bằng nghiệp vụ tín dụng người cho vay và người vay.

- Trên thửa đất thế chấp cho Ngân hàng G có ngôi nhà 04 tầng do anh PQV xây dựng mà không được ghi nhận trong biên bản thẩm định tài sản thế chấp. Anh PQV khẳng định đó là tài sản của anh PQV. Giai đoạn sơ thẩm anh PQV không xuất trình được các tài liệu chứng minh, anh PQV sẽ xuất trình sau.

- Tại thời điểm ông PVL thế chấp vay Ngân hàng G, anh PQV đang đi làm xa không có ở nhà tại thôn QĐ, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm đó anh PQV thuê nhà ở trọ bên ngoài.

- Anh PQV đề nghị xem xét lại hợp đồng thế chấp vì anh PQV không được biết và ký vào hợp đồng, nên ảnh hưởng đến quyền lợi của anh PQV.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Buộc Công ty B phải thanh toán cho Ngân hàng G tổng số tiền tính đến ngày 20/9/2022 là 12.959.428.076 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 10.959.428.076 đồng

- Tiếp tục tính lãi khoản nợ đến ngày kết thúc vụ án.

- Trường hợp Công ty B không hoặc chưa thanh toán, đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại QL, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI956716, thửa số 28, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Uỷ ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/07/2007 đứng tên ông PVL để thu hồi nợ.

- Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản này nếu không đủ thanh toán cho khoản nợ, Công ty B có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán dứt điểm khoản nợ cho Ngân hàng G.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2022/KDTM-ST ngày 20/09/2022 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 166 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 154, các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng G:

1/Buộc Công ty B phải thanh toán cho Ngân hàng G số tiền tính đến ngày 20/9/2022 là 12.959.428.076đ (mười hai tỷ chín trăm năm mươi chín triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 10.959.428.076 đồng

- Kể từ ngày 21/9/2022, Công ty B tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 68/HĐTD/GTX/08 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc cho Ngân hàng G:

- Trong trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng G có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là: quyền sử dụng đất số AI856716, thửa số 28, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do UBND huyện TT cấp ngày 10/07/2007 đứng tên ông PVL để thu hồi nợ.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Công ty B phải chịu tiền án phí KDTM sơ thẩm là 120.959.428đ (một trăm hai mươi triệu chín trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng).

- Ngân hàng G được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.660.000đ theo biên lai thu AA/2018/ 0003692 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội.

3/ Quyền kháng cáo: Ngân hàng G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án;

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề có liên quan trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề có liên quan trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết nơi họ cư trú.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông PVL, bà PTY và anh PQV kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông PVL, bà PTY và anh PQV.

Ông PVL và bà PTY có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh PQV đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, bị đơn sử dụng vốn vay sai mục đích, tài sản ông PVL thế chấp không phải là tài sản riêng của ông PVL, ngôi nhà trên mảnh đất thế chấp là do anh xây dựng lên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông PVL, bà PTY, anh PQV. Sửa bản án sơ thẩm. Về án phí: Những người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông PVL, bà PTY và anh PQV được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Ngân hàng G với Công ty B phát sinh từ hợp đồng tín dụng, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty B có địa chỉ tại đường NK, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 02/02/2008 Ngân hàng G với Công ty B đã ký hợp đồng tín dụng số 68/HĐTD/G-HK/08 với nội dung bên Công ty B vay Ngân hàng G với số tiền 5 tỷ

đồng. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 02/02/2008. Lãi suất vay 1,05%/tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Phương thức vay ngắn hạn. Hình thức giải ngân: chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản số 10201.000051919.3 cho Công ty TD tại Ngân hàng V – Chi nhánh CD. Biện pháp bảo đảm tiền vay là nhà đất của bên thứ ba bảo lãnh bao gồm 3 khối tài sản sau:

-Quyền sử dụng đất tại QL, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội

-Quyền sử dụng đất tại SM, VL, ĐA, Hà Nội

-Quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội

Tổng giá trị bảo đảm của 3 khối tài sản trên là 8.303.000.000 đồng

Ngày 02/02/2008 Công ty B ký một khế ước nhận nợ số 68/KUNN–GHK/08 với số tiền nhận nợ 3.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 02/02/2008. Lãi suất vay 1,05%/tháng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp bất động sản của bên thứ ba bao gồm các tài sản sau đây:

1. Quyền sử dụng đất tại QL, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AI956716, thửa đất số 28 tờ bản đồ số 3, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/7/2007

2. Quyền sử dụng đất tại thôn SM, xã VL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AĐ459728 thửa đất số 01, tờ bản đồ số 41 số vào sổ cấp 74/142/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện ĐA cấp ngày 05/02/2007

3. Quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101110301. Hồ sơ gốc số 2124.2001.QĐUB/10.594.2001 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17/4/2001

Tổng giá trị tài sản bảo đảm là 8.303.000.000 đồng

Căn cứ vào tờ trình thẩm định ngày 26/1/2008 (BL104) của Ngân hàng G định giá:

-Tài sản bảo đảm là nhà đất tại QL, xã VQ, huyện TT, thành phố Hà Nội của ông PVL có giá trị làm tròn là 3.656.000.000 đồng

-Tài sản bảo đảm nhà đất tại thôn SM, xã VL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đứng tên ông LTD có giá trị làm tròn là 2.147.000.000 đồng

-Tài sản bảo đảm nhà đất tại phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội đứng tên bà NTH có giá trị làm tròn là 2.500.000.000 đồng

Sau khi được giải ngân, Công ty B do bà NTBH – giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty không sử dụng đúng mục đích của số tiền vay mà đi xây dựng nhà máy điện tử - điện lạnh tại thị trấn L, huyện YY, tỉnh Nam Định trên thửa đất 4.301m^2. Đồng thời thành lập Công ty TPĐ sản xuất điện tử và điện lạnh dẫn đến mất khả năng thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với ngân hàng.

Ngày 29/7/2009 Ngân hàng G đã lập một biên bản làm việc (BL240) có ba bên tham gia giữa bên cho vay, bên vay và bên bảo lãnh. Tại biên bản này phía Ngân hàng G đã xác nhận: "Quan điểm của ngân hàng là không thể trì hoãn thêm được nữa vì bên vay đã sử dụng sai mục đích vay vốn, không thực hiện đúng các cam kết trong các hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng" đồng thời yêu cầu trong vòng 1 tuần kể từ ngày 29/7/2009 phải trả hết nợ cho ngân hàng và yêu cầu đến 31/7/2009 phải trả một khoản tiền ít nhất 500.000.000 đồng, nhưng sau một tuần bên vay vẫn không trả cho ngân hàng bất kỳ một khoản tiền nào.

Ngày 14/12/2009 Ngân hàng G với Công ty T đã ký với nhau hợp đồng mua bán nợ số 105a/2009/HĐKT/G-AMC và phụ lục 1 (Bổ sung hợp đồng số 105a/2009/HĐKT/G-AMC ngày 14/12/2009) thể hiện Ngân hàng G đã bán khoản nợ của Công ty B với số dư nợ gốc 3 tỷ đồng, lãi 1.257.468.260 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 4.257.468.260 đồng. Nhưng tài sản bảo đảm chỉ có 2 khối tài sản là bất động sản tại ĐA và TT. Không có khối tài sản bảo đảm thứ ba là nhà đất tại phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội có trị giá 2.500.000.000 đồng.

Ngày 23/3/2010 Công ty T với Công ty G ký hợp đồng mua bán nợ số 018/2010 /HĐMBN GAMC-TAMC và phụ lục 1 (bổ sung hợp đồng số 018/2010/HĐMBN/GAMC-TAMC) nội dung bán lại khoản nợ của Công ty B với số dư nợ gốc 3 tỷ đồng, lãi 1.257.468.260 đồng. Tổng là 4.257.468.260 đồng với hai khối tài sản bảo đảm tại ĐA và TT. Không có khối tài sản bảo đảm thứ ba là nhà đất tại phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Sau gần 5 năm, ngày 21/01/2015 Ngân hàng G đã giải chấp khối tài sản bảo đảm là nhà đất tại thôn SM, xã VL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội cho ông LTD sau khi ông LTD nộp 1.000.000.000 đồng cho Ngân hàng G.

Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 68/HĐTD/G-HK/08 và Khế ước nhận nợ số 68/KUNN-GHK/08 ngày 02/02/2008 thì khoản vay 3 tỷ đồng của Công ty B được bảo đảm bằng 3 khối tài sản. Trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ không có thỏa thuận từng khối tài sản bảo đảm cho khoản vay cụ thể nào. Vì vậy cả 3 khối tài sản cùng bảo đảm chung cho một khoản vay 3 tỷ đồng. Điều đó có nghĩa là khi Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng cũng như khế ước nhận nợ thì cả 3 chủ sở hữu, sử dụng khối tài sản trên phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc và lãi) của Công ty B.

Nhưng ngày 21/01/2015 Ngân hàng G đã giải chấp một khối tài sản bảo đảm là nhà đất tại thôn SM, VL, ĐA, Hà Nội cho ông LTD khi ông LTD nộp 1 tỷ đồng mà chưa có sự đồng ý của 2 chủ sở hữu và sử dụng các khối tài sản còn lại. (Trong khi khối tài sản của ông LTD được bảo đảm cho số tiền vay tối đa là 1.700.000.000 đồng cùng với lãi suất). Việc Ngân hàng G nhận 1 tỷ đồng rồi giải chấp khối tài sản của ông LTD là không đúng bởi lẽ toàn bộ quyền đòi nợ và quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng G đã được bán lại cho Công ty T từ ngày 14/12/2009. Sau đó Công ty T lại bán lại toàn bộ khoản nợ của Công ty B cho Công

ty G vào ngày 23/3/2010. Như vậy, kể từ ngày 23/3/2010 quyền đòi nợ và quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thuộc về Công ty G.

Xét hợp đồng mua bán nợ và phụ lục giữa Ngân hàng G với Công ty T và giữa T với Ngân hàng G thì không có khối tài sản bảo đảm tại phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn khai khối tài sản đó chưa ký hợp đồng thế chấp. Điều này không đúng với thực tế khách quan bởi lẽ nếu chưa ký hợp đồng thế chấp thì làm sao trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 68 ngày 02/02/2008 của Công ty B ký với ngân hàng ghi rõ biện pháp bảo đảm tiền vay gồm cả 3 khối tài sản như đã nói ở trên. (Vậy khối tài sản ở KM này đã được giải chấp hay chưa). Tại cấp phúc thẩm, Tòa án cũng đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp hồ sơ liên quan đến việc thế chấp và giải chấp (nếu có) đối với khối tài sản ở KM, nhưng nguyên đơn không cung cấp.

Căn cứ vào hồ sơ khởi kiện ban đầu mà nguyên đơn nộp tại cấp sơ thẩm thì Khế ước nhận nợ số 68/KUNN-GHK/08 ngày 02/02/2008 tại mục 7 biện pháp bảo đảm tiền vay: Khối tài sản thứ 3 là quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại phường KM, quận BĐ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101110301 hồ sơ gốc số 2124.2001.QĐUB/10.594.2001 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 17/04/2001 đã bị gạch chéo và tổng giá trị tài sản bảo đảm được ghi lại 5.803.000.000 đồng được nguyên đơn đóng dấu sao y bản chính của Ngân hàng G là không đúng, không khớp với khế ước nhận nợ bản gốc mà nguyên đơn đã xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm.

Nên án sơ thẩm tuyên trường hợp Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AI956716 thửa số 28 tờ bản đồ số 3, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Ủy ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/7/2007 đứng tên ông PVL để thu hồi nợ là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông PVL nên chấp nhận nội dung kháng cáo của ông PVL, bà PTY, anh PQV, sửa phần này của án sơ thẩm.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên những người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 154; Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005

Áp dụng Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận kháng cáo của ông PVL, bà PTY và anh PQV

- Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 38/2022/KDTM-ST ngày 20/09/2022 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng G:

- Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty G số tiền tính đến ngày 20/9/2022 là 12.959.428.076 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng

+ Nợ lãi: 10.959.428.076 đồng

- Kể từ ngày 21/9/2022, Công ty B tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 68/HĐTD/G-HK/08 ngày 02/02/2008 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc cho Ngân hàng G:

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty G về việc yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số AI956716, thửa số 28, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Uỷ ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/07/2007 đứng tên ông PVL.

Ngân hàng G phải trả lại ngay cho ông PVL giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI956716, thửa số 28, tờ bản đồ số 03, số vào sổ cấp 1452.2007/QĐ-UBND/00796 do Uỷ ban nhân dân huyện TT cấp ngày 10/07/2007 đứng tên ông PVL.

Ông PVL được quyền ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xóa đăng ký thế chấp ngày 01/02/2008 theo hợp đồng thế chấp số 2083.2008/HĐTC Quyển số 01Tp/CC-SCC/HĐGD được phòng công chứng số 1 Hà Nội chứng thực ngày 31/01/2008.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty B phải chịu 120.959.428 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty G 59.660.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003692 ngày 06/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí phúc thẩm:

- Hoàn trả bà PTY 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0019023 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội

- Hoàn trả anh PQV 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0019024 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận CG, tp Hà Nội;
- TAND quận CG, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn